

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/9/2017.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Phước.

2/ Ông Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hàn N - Sinh năm: 1989 địa chỉ: Ấp T, xã U, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh Lượng - Sinh năm: 1986; địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2017, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị Hàn N trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Thanh L kết hôn vào năm 2011 và đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2011, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, hay lừa dối. Chị và anh L chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân chủ yếu là do anh L không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc chị và các con. Anh chị đã sống ly thân từ tháng

9 năm 2015 cho đến nay mà không đoàn tụ được, cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh L, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ *Về nuôi con chung*: Chị và anh L có hai người con chung là Bùi Thanh S - Sinh ngày 18/7/2011 và Bùi Thanh T - Sinh ngày 01/8/2015. Cả hai người con này hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chị N cho rằng chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn là anh Bùi Thanh L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hàn N đối với anh Bùi Thanh L. Về con chung: Giao cho chị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh L là Bùi Thanh S - Sinh ngày 18/7/2011 và Bùi Thanh T - Sinh ngày 01/8/2015, ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Hàn N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh Bùi Thanh L có địa chỉ tại ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn là anh Bùi Thanh L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời chị Trần Thị Hàn N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành

hòa giải được và xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị N với anh L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, hay lừa dối và phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị N cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa chị N và anh L có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân hơn một năm qua mà không thể đoàn tụ được. Anh L dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy anh không có mong muốn gặp gỡ, trao đổi nhằm hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị N; mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh L từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai người con chung giữa chị với anh L là Bùi Thanh S - Sinh ngày 18/7/2011 và Bùi Thanh T - Sinh ngày 01/8/2015. Xét thấy, hai người con này hiện đang sống chung với chị N, đồng thời anh L vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Bùi Thanh L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; chị Trần Thị Hàn N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hàn N được ly hôn với anh Bùi Thanh L.

2/ Về nuôi con chung:

Chị Trần Thị Hàn N được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Bùi Thanh L là Bùi Thanh S - Sinh ngày 18/7/2011 và Bùi Thanh T - Sinh ngày 01/8/2015 (cả hai người con này hiện đang sống chung với chị N).

Anh Bùi Thanh L có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Vì lợi ích của con chung, chị Trần Thị Hàn N, anh Bùi Thanh L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Thanh L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; chị Trần Thị Hàn N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hàn N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số A ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Trần Thị Hàn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Trần Thị Hàn N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Bùi Thanh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị

bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên